

Số: 868/SGDĐT-GDĐT-CN
Về việc triển khai công tác tuyển
sinh đại học hệ chính quy – cao
đẳng nhóm ngành đào tạo giáo
viên hệ chính quy năm 2017.

Bình Phước, ngày 17 tháng 3 năm 2017

Kính gửi:

- Các trường THPT, THCS&THPT;
- Các trường PTDTNT THPT,
PTDTNT THCS&THPT;
- Trung tâm GDĐT tỉnh;
- Các trung tâm GDNN-GDĐT huyện, thị xã;
- Trường Cao đẳng nghề Bình Phước.

Để triển khai công tác tuyển sinh đại học – cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên năm 2017. Sở GD&ĐT gửi đến các đơn vị Thông tư 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/1/2017 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy, Công văn số: 603/BGDĐT-GDĐT ngày 17/2/2017 về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh hệ đại học chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2017 của Bộ GD&ĐT và dữ liệu tuyển sinh đại học – cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên năm 2017 về mã tỉnh, huyện, xã, trường, đơn vị ĐKDT, khu vực tuyển sinh, khu vực ưu tiên, đề nghị các đơn vị thực hiện một số yêu cầu sau:

1. Các đơn vị cho in Thông tư 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/1/2017, Công văn số: 603/BGDĐT-GDĐT ngày 17/2/2017 của Bộ GD&ĐT và dữ liệu tuyển sinh đại học – cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên năm 2017 làm tài liệu họp hội nghị triển khai thi tốt nghiệp THPT Quốc gia và tuyển sinh đại học – cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên năm 2017, trong Hội nghị Sở không phát hành lại tài liệu này.

2. Triển khai Thông tư 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/1/2017, Công văn số: 603/BGDĐT-GDĐT ngày 17/2/2017 của Bộ GD&ĐT và dữ liệu tuyển sinh đại học – cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên năm 2017 đến từng học sinh khối 12 và giáo viên; công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử và niêm yết trên bảng tin nhà trường để học sinh, phụ huynh học sinh biết thực hiện.

3. Chính sách ưu tiên theo khu vực:

- Các văn bản quy định về chế độ ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú quy định tại gạch đầu dòng thứ 4 Điểm b, Khoản 4, Điều 7 của Quy chế tuyển sinh, đối với Bình Phước gồm:

+ Quyết định 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.

+ Quyết định 447/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc, về việc Công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015.

+ Quyết định 601/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc, về việc Công nhận bổ sung, điều chỉnh thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc miền núi.

+ Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016, Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020.

+ Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016, Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hoàn thành mục tiêu của Chương trình 135 năm 2015.

+ Quyết định 73/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc về việc điều chỉnh xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi.

+ Quyết định 74/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015.

+ Quyết định 75/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016.

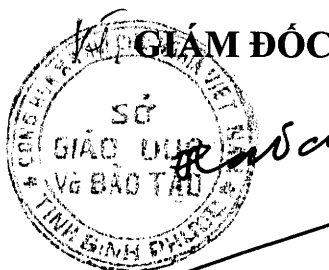
- Các đơn vị tải các tài liệu trên từ trang thông tin điện tử Chính phủ.

4. Về xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Mục III Công văn số: 603/BGDĐT-GDĐT ngày 17/2/2017 Sở GD&ĐT có hướng dẫn riêng.

Nhận được Công văn đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, GDTX-CN.



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Hải Đăng

Số: 603 /BGDDT-GDDH

V/v Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hệ
chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành
đào tạo giáo viên hệ chính quy
năm 2017

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017

Kính gửi:

- Các đại học, học viện, trường đại học;
- Các trường cao đẳng tuyển sinh nhóm ngành đào tạo giáo viên;
- Các sở giáo dục và đào tạo.

Ngày 25 tháng 01 năm 2017, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học (ĐH) hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên (CĐ) hệ chính quy (sau đây gọi là Quy chế tuyển sinh) kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT.

Để thống nhất triển khai thực hiện Quy chế tuyển sinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn các đại học, học viện, các trường ĐH, CĐ (gọi chung là trường), các sở giáo dục và đào tạo (GDĐT) một số nội dung sau:

I. Tổ chức tuyển sinh

1. Các sở giáo dục đào tạo:

a) Sử dụng tài khoản và mật khẩu đã được cấp trong quá trình tổ chức thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia, xét công nhận tốt nghiệp THPT để nhập dữ liệu phục vụ công tác tuyển sinh ĐH, CĐ;

b) Tổ chức thực hiện rà soát, xác định khu vực ưu tiên cho các trường THPT tại địa phương theo các quy định hiện hành;

c) Chỉ đạo các đơn vị thu nhận “Phiếu đăng ký dự thi THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng” (Phiếu ĐKDT) và Phiếu điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển (ĐKXT) (gọi chung là điểm thu nhận hồ sơ); chuẩn bị đủ cơ sở vật chất, thiết bị và cử cán bộ có năng lực, nắm vững Quy chế thi THPT quốc gia và Quy chế tuyển sinh để hướng dẫn, hỗ trợ thí sinh; nhập thông tin Phiếu ĐKDT và Phiếu điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT (Phụ lục 2) vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT; đảm bảo quy trình, thời hạn thực hiện công việc theo kế hoạch chung về tuyển sinh quy định tại Phụ lục 1;

d) Hướng dẫn thí sinh sử dụng tài khoản và mật khẩu cá nhân đã được cấp để truy cập vào Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT nhằm kiểm tra thông tin cá nhân và thực hiện điều chỉnh ĐKXT trực tuyến;

đ) Hướng dẫn thí sinh có nhu cầu thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT sau khi có kết quả thi THPT quốc gia. Mỗi thí sinh chỉ được điều chỉnh ĐKXT **01 lần** trong thời gian quy định và chỉ được sử dụng một trong hai phương thức: trực tuyến hoặc bằng Phiếu điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT.

- Điều chỉnh bằng phương thức trực tuyến: thí sinh sử dụng tài khoản và mật khẩu cá nhân đã được cấp để thực hiện việc điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT. Lưu ý thí sinh: phương thức này chỉ chấp nhận khi số lượng nguyện vọng sau khi điều chỉnh không lớn hơn số lượng nguyện vọng đã đăng ký ban đầu trong Phiếu ĐKDT;

- Điều chỉnh bằng Phiếu điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT: thí sinh được điều chỉnh tăng thêm số lượng nguyện vọng so với số lượng nguyện vọng đã đăng ký ban đầu trong Phiếu ĐKDT và phải nộp bổ sung lệ phí cho số nguyện vọng tăng thêm theo quy định. Thí sinh phải điền đầy đủ thông tin vào Phiếu điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT và gửi trực tiếp về điểm thu nhận hồ sơ để cán bộ máy tính cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT. Lưu ý thí sinh ghi đúng mã trường, mã ngành/nhóm ngành, mã tổ hợp xét tuyển theo quy định của trường. Nguyện vọng nào ghi không đúng sẽ không được hệ thống phần mềm chấp nhận và bị loại. Nơi thu nhận hồ sơ phải yêu cầu thí sinh kiểm tra kết quả điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT trong thời gian quy định và đề nghị điều chỉnh sai sót, nếu có.

e) Cập nhật Phiếu điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT của thí sinh và chịu trách nhiệm về thông tin đã cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT; trong trường hợp nhập sai thông tin so với Phiếu điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT của thí sinh thì phải điều chỉnh lại khi thí sinh đề nghị và lưu bản đề nghị điều chỉnh sai sót của thí sinh;

g) Chỉ đạo các trường THPT mở các phòng máy tính có nối mạng internet để thí sinh sử dụng thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT trực tuyến.

2. Các trường đại học, cao đẳng:

a) Mỗi trường được gán 01 mã số và cấp một tài khoản (tên truy cập và mật khẩu) để sử dụng trong công tác tuyển sinh ĐH, CĐ;

b) Thực hiện đúng lịch tuyển sinh quy định tại Phụ lục 1 của Hướng dẫn này;

c) Tổ chức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào các ngành học của trường theo quy định tại mục III của Hướng dẫn này;

d) Trong đợt 1, các trường có thủ tục sơ tuyển; các trường tổ chức thi đánh giá năng lực chuyên biệt hoặc có môn thi năng khiếu kết hợp với sử dụng

kết quả kỳ thi THPT quốc gia theo quy định tại Điểm c, Khoản 1 Điều 2 của Quy chế tuyển sinh phải hoàn thành việc cập nhật kết quả vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT trước ngày 14 tháng 7 năm 2017; trong các đợt xét tuyển bổ sung (nếu có) phải hoàn thành việc cập nhật kết quả vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT trước khi xét tuyển. Các thông tin cập nhật gồm:

- Danh sách các thí sinh đã đạt yêu cầu sơ tuyển;
- Danh sách các thí sinh đã đạt yêu cầu đánh giá năng lực chuyên biệt hoặc đạt yêu cầu môn năng khiếu.

đ) Các trường công khai mức điểm nhận ĐKXT đối với các tổ hợp xét tuyển khác nhau sau khi có kết quả thi THPT quốc gia phù hợp với ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GDĐT quy định và các điều kiện khác không trái với Quy chế tuyển sinh.

Mức điểm tối thiểu của từng bài thi/môn thi của tổ hợp dùng để xét tuyển do các trường quy định nhưng không trái với Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT và nêu rõ trong đề án tuyển sinh;

e) Trong thời gian thí sinh điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT các trường không cập nhật, không công bố thông tin thí sinh ĐKXT vào trường;

g) Các trường phải bố trí bộ phận thường trực gồm các cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm trong công tác tuyển sinh, nắm vững quy chế để giải đáp các thắc mắc liên quan đến công tác xét tuyển của trường và chế độ ưu tiên trong tuyển sinh;

h) Tạo điều kiện hỗ trợ thí sinh được sử dụng các phòng máy tính nối mạng internet của trường để thực hiện việc điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng phương thức trực tuyến (nếu thí sinh có nhu cầu).

II. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Các văn bản quy định về chế độ ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú quy định tại gạch đầu dòng thứ 4 Điểm b, Khoản 4, Điều 7 của Quy chế tuyển sinh, gồm:

Các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013, Quyết

định số 68/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 và Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015 được quy định tại Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2311/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Kiên Giang, Quyết định số 2312/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 01/2/2016 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Thuận, Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 13/5/2016 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Trà Vinh; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015 được quy định tại Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 được quy định tại Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Ưu tiên khu vực đối với thí sinh học tại các trường THPT có sự thay đổi chế độ ưu tiên

Đối với các trường THPT do thay đổi địa giới hành chính, chuyển địa điểm hoặc thay đổi cấp hành chính dẫn đến thay đổi mức ưu tiên khu vực thì mỗi giai đoạn hưởng mức ưu tiên khác nhau, trường sẽ được gán một mã trường khác nhau cùng với một mức ưu tiên khu vực phù hợp. Thí sinh căn cứ thời gian học tập tại trường THPT chọn và điền đúng mã trường theo các giai đoạn để được hưởng đúng mức ưu tiên theo khu vực (Ví dụ: Trường THPT Nguyễn Đình Liễn từ năm 2013 về trước đóng trên địa bàn Xã Cẩm Huy, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh thuộc KV2-NT, từ năm 2014 Trường chuyển đến địa bàn Xã Cẩm Dương, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh thuộc KV1. Vậy Trường này sẽ được gán 2 mã khác nhau: Mã 068 - gán cho Trường trong thời gian từ năm 2013 về trước; Mã 053 - gán cho Trường trong thời gian từ năm 2014 đến nay. Nếu thí sinh học tại Trường này từ năm 2013 đến năm 2015, lớp 10 sẽ khai mã trường là 068, lớp 11 và lớp 12 khai mã trường là 053).

3. Hồ sơ để được hưởng ưu tiên theo đối tượng

- Bản sao Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên;
- Đối với thí sinh là người dân tộc thiểu số, giấy chứng nhận để hưởng đối tượng ưu tiên 01 là bản sao giấy khai sinh trên đó ghi rõ dân tộc thuộc dân tộc thiểu số và hộ khẩu thường trú hoặc giấy tờ hợp pháp minh chứng thí sinh có hộ khẩu thường trú trên 18 tháng (tính đến ngày thi đầu tiên của Kỳ thi THPT Quốc gia) tại Khu vực 1 trong thời gian học THPT.
- Đối với thí sinh thuộc đối tượng người có công với cách mạng hoặc con của người có công với cách mạng, giấy chứng nhận để hưởng ưu tiên là bản sao Quyết định trợ cấp, phụ cấp đối với người có công của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội. Thí sinh xuất trình bản chính của các giấy tờ nói trên để các trường đối chiếu khi làm thủ tục nhập học.

4. Xác định mức điểm ưu tiên:

Mức điểm ưu tiên xác định theo quy định tại Khoản 5, Điều 7, Quy chế tuyển sinh được tính theo thang điểm 10 trên tổng điểm tối đa của 3 bài thi/môn thi trong tổ hợp xét tuyển là 30. Nếu trường xét tuyển với thang điểm khác với thang điểm này (ví dụ trường nhân hệ số môn chính trong tổ hợp xét tuyển) thì phải qui đổi mức điểm ưu tiên tương ứng với thang điểm mới và công bố trong Đề án tuyển sinh trước khi thí sinh đăng ký dự thi.

III. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

1. Các ngành xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

a) Đối với thí sinh đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia:

- Danh mục các ngành đúng hoặc ngành gần với môn thi học sinh giỏi (HSG) quốc gia được xác định tại Phụ lục 6, Phụ lục 7. Các trường có thể bổ sung thêm các ngành đúng và ngành gần đối với từng môn thi HSG quốc gia phù hợp với yêu cầu đầu vào các ngành đào tạo của trường, nhưng phải công bố trong Đề án tuyển sinh;

- Nếu không tiếp tục xét tuyển thẳng vào một số ngành đúng hoặc ngành gần với môn thi HSG quốc gia, các trường phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của trường và phương tiện thông tin đại chúng khác ít nhất 3 năm trước khi áp dụng.

b) Đối với thí sinh đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia:

Căn cứ vào kết quả dự án, đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật của thí sinh đoạt giải và danh mục các ngành đúng, ngành gần quy định tại Phụ lục 6, Phụ lục 7, các trường ĐH, CĐ xét tuyển thẳng vào ngành học phù hợp với kết quả dự án hoặc đề tài mà thí sinh đoạt giải.

c) Các trường công bố công khai chỉ tiêu xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển trong Đề án tuyển sinh của trường.

2. Tổ chức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

a) Nguyên tắc: xét tuyển vào ngành đúng trước, sau đó xét tuyển vào ngành gần;

b) Tiêu chí, quy trình xét và xếp ngành học xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của trường phải được công bố trong Đề án tuyển sinh; thực hiện theo lịch tuyển sinh được quy định tại Phụ lục 1;

c) Thí sinh phải tìm hiểu kỹ thông tin về điều kiện, hồ sơ và nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định chung của Bộ GDĐT; theo hướng dẫn chi tiết của từng trường và nộp hồ sơ về Sở GDĐT trong thời gian quy định.

3. Đăng ký xét tuyển thẳng

a) Thí sinh phải nộp hồ sơ ĐKXT thẳng tại sở GDĐT trước ngày 20/5/2017:

- Hồ sơ của thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, Khoản 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (Phụ lục 3);

+ Ít nhất một trong các bản photocopy sau: chứng nhận là thành viên tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế hoặc chứng nhận là thành viên đội tuyển tham dự cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế (có tên trong danh sách của Bộ GDĐT); Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia và Giấy chứng nhận đoạt giải quốc tế về thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật và giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác;

+ Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6.

- Hồ sơ của thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại điểm i, Khoản 2, Điều 7, Quy chế tuyển sinh gồm:

- + Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (Phụ lục 4);
- + Bản photocopy học bạ 3 năm học THPT;
- + Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6;
- + Bản photocopy hộ khẩu thường trú.

b) Sau khi có thông báo trúng tuyển của trường, thí sinh phải nộp bản chính giấy chứng nhận đoạt giải để xác nhận nhập học trong thời gian quy định (thời gian tính theo dấu bưu điện nếu nộp qua bưu điện bằng thư chuyển phát nhanh).

4. Đăng ký ưu tiên xét tuyển

Thí sinh thuộc diện quy định tại các điểm a, b, c, Khoản 3, Điều 7 Quy chế tuyển sinh nếu không sử dụng quyền xét tuyển thẳng thì phải ĐKDT theo quy định và phải nộp hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển tại sở GDĐT trước ngày 20/5/2017. Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển gồm:

- a) Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển (Phụ lục 5);
- b) Ít nhất một trong các bản photocopy sau: Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, quốc tế; Giấy chứng nhận đoạt giải quốc tế về thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật.

5. Trách nhiệm của các sở GDĐT:

- a) Hướng dẫn các trường THPT có thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển khai phiếu theo quy định;
- b) Trước ngày 01/6/2017, gửi hồ sơ xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển kèm theo danh sách (Phụ lục 8, Phụ lục 9, Phụ lục 10, Phụ lục 11) cho các trường thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

6. Trách nhiệm của các trường đại học, cao đẳng:

- a) Căn cứ quy định của Quy chế tuyển sinh, và danh mục ngành đào tạo được xét tuyển thẳng theo quy định tại Phụ lục 6, Phụ lục 7 của Hướng dẫn

này, các trường quy định cụ thể ngành thí sinh được xét tuyển thẳng tương ứng với loại giải và môn thi của thí sinh đoạt giải; quy định cụ thể về ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thẳng; quy trình xét xếp ngành học xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển của trường, công bố công khai trong đề án tuyển sinh trước ngày thí sinh đăng ký dự thi THPT quốc gia;

b) Trước 17 giờ 00 ngày 15/7/2017 các trường tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định, cập nhật danh sách trúng tuyển vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và gửi kết quả xét tuyển thẳng cho các sở GDĐT để thông báo cho thí sinh;

c) Tổ chức xét tuyển cho những thí sinh thuộc diện ưu tiên xét tuyển đã đăng ký vào trường theo lịch tuyển sinh;

d) Báo cáo kết quả xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển về Bộ GDĐT (Vụ Giáo dục Đại học) trước ngày 21/7/2017.

Bộ GDĐT yêu cầu các trường, các sở GDĐT quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung hướng dẫn trên đây.

Bộ GDĐT sẽ tổ chức kiểm tra các trường có dấu hiệu vi phạm Quy chế tuyển sinh, vi phạm trong thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh và xử lý theo các quy định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo kịp thời về Bộ GDĐT (Vụ Giáo dục Đại học) theo điện thoại số: 04.38691386; 04.38692392; địa chỉ Email: nmhung@moet.gov.vn để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp)
- UBNDHGD TNTNNĐ của QH (để b/c);
- VP Chính phủ (để b/c);
- Ban Tuyên giáo TW (để b/c);
- Các bộ, ngành (để phối hợp);
- UBND các tỉnh, thành phố (để phối hợp);
- Các Cục, Vụ, Viện, TTr. (để thực hiện);
- Lưu : VP, Vụ GDĐH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(đã ký)

Bùi Văn Ga

Phụ lục 1

**LỊCH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUI;
TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NHÓM NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN
HỆ CHÍNH QUI NĂM 2017**

(Kèm theo công văn số: 603/BGĐĐT-GDĐH ngày 17/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
1.	Ban hành Quy chế tuyển sinh	Bộ GDĐT	Sở GDĐT, Trường ĐH, CĐ	Tháng 01/2017
2.	Các trường ĐH, CĐ nhận tài khoản và cập nhật thông tin tuyển sinh của trường lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT	Trường ĐH, CĐ	Vụ GDĐH Cục CNTT	Trước ngày 28/2
3.	Các trường ĐH, CĐ công bố Đề án tuyển sinh 2017	Trường ĐH, CĐ	Vụ GDĐH Cục CNTT	Trước ngày 20/3
4.	Tập huấn phần mềm tuyển sinh ĐH, CĐ	Vụ GDĐH	Cục KTKĐCLGD, Lãnh đạo và cán bộ tuyển sinh các Sở GDĐT; Trường ĐH, CĐ	Trước ngày 30/3
5.	Tập huấn công tác tuyển sinh ĐH, CĐ	Sở GDĐT	Điểm thu nhận hồ sơ	Trước ngày 30/3
6.	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi của thí sinh; nhập thông tin ĐKDT, ĐKXT đợt 1 của thí sinh vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT	Sở GDĐT, Điểm thu nhận hồ sơ	Các đối tượng dự thi THPT	Từ 01/4 đến 20/4
7.	Các trường ĐH, CĐ tải dữ liệu thí sinh ĐKXT từ Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT để tham khảo	Trường ĐH, CĐ	Vụ GDĐH Cục CNTT	Từ 10/5 đến 30/5
8.	Thí sinh gửi Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển về Sở GDĐT.	Thí sinh	Sở GDĐT	Trước ngày 20/5
9.	Sở GDĐT gửi Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đến các trường ĐH, CĐ	Sở GDĐT	Trường ĐH, CĐ	Trước ngày 01/6

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
10	Các trường ĐH, CĐ tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định, cập nhật danh sách trúng tuyển vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và gửi kết quả xét tuyển thẳng cho các sở GDĐT để thông báo cho thí sinh	Trường ĐH, CĐ	Thí sinh Sở GDĐT	Trước 17 giờ 00 ngày 15/7
11	Thí sinh trúng tuyển thẳng gửi Hồ sơ và xác nhận nhập học tại các trường	Thí sinh	Trường ĐH, CĐ	Trước ngày 20/7
12	Các trường báo cáo kết quả xét tuyển thẳng	Trường ĐH, CĐ	Vụ GDĐH	Trước 17 giờ 00 ngày 21/7
13	Các trường cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT kết quả sơ tuyển, kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt, kết quả thi các môn năng khiếu (nếu có)	Trường ĐH, CĐ	Vụ GDĐH Cục CNTT	Trước ngày 14/7 đối với xét tuyển đợt 1 và trước các đợt xét tuyển bổ sung do trường quy định
14	Bộ GDĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào	Vụ GDĐH	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDTH, Vụ GDTX, Thanh tra, Vụ Pháp chế, Các trường ĐH, CĐ	Trước ngày 14/7
15	Các trường ĐH, CĐ điều chỉnh, công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và trang thông tin điện tử của trường	Trường ĐH, CĐ	Vụ GDĐH	Trước ngày 15/7
16	Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT theo phương thức trực tuyến	Thí sinh, Điểm thu nhận hồ sơ	Vụ GDĐH Cục CNTT Sở GDĐT	Từ 15/7 đến 17 giờ 00 ngày 21/7
17	Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng Phiếu điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT	Thí sinh, Điểm thu nhận hồ sơ	Vụ GDĐH Cục CNTT Sở GDĐT	Từ 15/7 đến 17 giờ 00 ngày 23/7

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
18	Thí sinh kiểm tra kết quả điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT và đề nghị điều chỉnh sai sót nếu có (chỉ áp dụng đối với thí sinh điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng phiếu)	Thí sinh	Điểm thu nhận hồ sơ	Trước 17 giờ 00 ngày 25/7
19	Điểm thu nhận hồ sơ hoàn thành việc cập nhật thông tin về điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT của tất cả thí sinh vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT	Sở GDĐT, Điểm thu nhận hồ sơ	Thí sinh	Trước 17 giờ 00 ngày 26/7
20	Thực hiện quy trình xét tuyển đợt 1 theo Quy chế tuyển sinh	Trường ĐH, CĐ	Vụ GDĐH, Cục CNTT, Cục KTKĐCLGD Vụ GDTH, Vụ GDTX	Từ 28/7 đến 17 giờ 00 ngày 30/7
21	Các trường ĐH, CĐ công bố kết quả trúng tuyển đợt 1	Trường ĐH, CĐ	Thí sinh Vụ GDĐH	Trước 17 giờ 00 ngày 1/8
22	Thí sinh xác nhận nhập học đợt 1	Thí sinh Trường ĐH, CĐ	Vụ GDĐH	Trước 17 giờ 00 ngày 7/8 (tính theo dấu bưu điện)
23	Các trường ĐH, CĐ cập nhật thông tin thí sinh xác nhận nhập học vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT	Trường ĐH, CĐ		Trước 17 giờ 00 ngày 12/8
24	Các trường ĐH, CĐ xét tuyển bổ sung (các trường chủ động công bố lịch tuyển sinh bổ sung)	Trường ĐH, CĐ	Vụ GDĐH Cục CNTT Cục KTKĐCLGD Vụ GDTH	Từ ngày 13/8
25	Các trường ĐH, CĐ, báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2017	Trường ĐH, CĐ	Vụ GDĐH	Trước ngày 31/12/2017

Phụ lục 2. (gồm 2 mẫu phiếu)

(Kèm theo công văn số: 603/BGDĐT-GDDH ngày 17/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GDĐT.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MÃ SỐ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU SỐ 1
(Nơi tiếp nhận lưu)

**PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG***

SỐ PHIẾU:

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)

ngày tháng năm

3. Số CMND/ Căn cước CD (hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Số báo danh (trong Kỳ thi THPT Quốc gia)

5. Số điện thoại (hồ sơ đăng ký dự thi).....

6. Địa chỉ Email:

B. THÔNG TIN DÙNG ĐỂ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

7. Đề nghị điều chỉnh ☐

Khu vực ưu tiên ☐

Đối tượng ưu tiên

chế độ ưu tiên:

tuyển sinh:

tuyển sinh:

8. Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh

Thứ tự NV ưu tiên (1)	Mã trường (chữ in hoa) (2)	Mã ngành/Nhóm ngành (3)	Tên ngành/Nhóm ngành (4)	Mã tổ hợp môn xét tuyển (5)	Nội dung thay đổi (6)
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
...					
...					
...					
...					
...					

Tổng số nguyện vọng:

....., ngày tháng năm 2017

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(ký, ghi rõ họ tên)

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN THÔNG TIN VÀO PHIẾU ĐIỀU CHỈNH
NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG***

1. Thông tin điều chỉnh ĐKXT được khai trên 02 phiếu (Phiếu số 1 Nơi tiếp nhận lưu, Phiếu số 2 Thí sinh lưu).
2. Phần **THÔNG TIN CÁ NHÂN**: Cần ghi chính xác và thống nhất với thông tin trong Phiếu đăng ký dự thi THPT quốc gia và xét tuyển vào đại học, cao đẳng*.
3. Mục "Đề nghị điều chỉnh chế độ ưu tiên": Nếu thí sinh có sửa "Khu vực ưu tiên tuyển sinh" hoặc "Đối tượng ưu tiên tuyển sinh" thì đánh dấu X vào ô tương ứng (trong mục "Khu vực ưu tiên tuyển sinh" điền một trong các mã KV1, KV2-NT, KV2 hoặc KV3 tương ứng với khu vực ưu tiên của thí sinh được hưởng; trong mục "Đối tượng ưu tiên tuyển sinh" điền một trong các ký hiệu từ 01 đến 07 tương ứng với đối tượng ưu tiên của thí sinh được hưởng. Nếu không thuộc đối tượng ưu tiên thì để trống).

4. Bảng "Nội dung điều chỉnh nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển":

+ Bước 1: Thí sinh ghi đầy đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng mới từ cột (1) đến cột (5);

+ Bước 2: So sánh bảng mới với bảng cũ (đã đăng ký khi làm thủ tục dự thi) để ghi "nội dung điều chỉnh" vào cột (6) như sau:

- Nếu không thay đổi thứ tự NV ưu tiên và các nội dung đã đăng ký thì thí sinh ghi số **0** tại cột (6) cùng hàng;
- Nếu chỉ thay đổi thứ tự NV ưu tiên và giữ nguyên các nội dung khác đã đăng ký thì thí sinh ghi số thứ tự NV ưu tiên cũ tại cột (6) cùng hàng;
- Những thay đổi khác thì ghi **TD** tại cột 6 cùng hàng.

Ví dụ:

Bảng danh sách nguyện vọng cũ đã đăng ký khi làm thủ tục dự thi (bảng cũ)

Thứ tự NV ưu tiên	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển
1	BVH	52132654	Công nghệ thông tin	T01
2	QHI	52132654	Công nghệ thông tin	T01
3	BKA	52132654	Công nghệ thông tin	T01
4	VHD	52132654	Công nghệ thông tin	T01
.....				

Bảng nội dung điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển (bảng mới)

Thứ tự NV ưu tiên	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Nội dung thay đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	QHI	52132654	Công nghệ thông tin	T01	2
2	BKA	52654783	Cơ khí	T01	TD
3	KHA	52364897	Quản trị kinh doanh	T02	TD
4	VHD	52132654	Công nghệ thông tin	T01	0
.....					

Trong ví dụ trên:

- Nguyện vọng 1 của bảng mới trùng với nguyện vọng 2 của bảng cũ: Điền số **2** (số thứ tự NV ưu tiên cũ) vào cột 6, hàng 1;
- Nguyện vọng 2 của bảng mới thay đổi so với bảng cũ: Điền **TD** vào cột 6, hàng 2;
- Nguyện vọng 4 của bảng mới không thay đổi so với bảng cũ: Điền số **0** vào cột 6, hàng 4.

SỞ GD&ĐT.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MÃ SỐ: Độc lập - Tự do - Hạnh phúcPHIẾU SỐ 2
(Thí sinh lưu)**PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYÊN VỌNG
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG***SỐ PHIẾU: **A. THÔNG TIN CÁ NHÂN****1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu).....Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0) **2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)

ngày tháng năm

3. Số CMND/ Căn cước CD (hồ sơ đăng ký dự thi)**4. Số báo danh** (trong Kỳ thi THPT Quốc gia)**5. Số điện thoại** (hồ sơ đăng ký dự thi).....**6. Địa chỉ Email:****B. THÔNG TIN DÙNG ĐỂ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG****7. Đề nghị điều chỉnh** ☐**Khu vực ưu tiên** ☐**Đối tượng ưu tiên** ☐

chế độ ưu tiên:

tuyển sinh:

tuyển sinh:

8. Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh

Thứ tự NV ưu tiên	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Nội dung thay đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
...					
...					
...					
...					
...					
...					
...					
...					
...					

Tổng số nguyện vọng: NƠI NHẬN PHIẾU
(Đại diện ký, ghi rõ họ tên)....., ngày tháng năm 2017
NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(ký, ghi rõ họ tên)

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN THÔNG TIN VÀO PHIẾU ĐIỀU CHỈNH
NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG***

1. Thông tin điều chỉnh ĐKXT được khai trên 02 phiếu (Phiếu số 1 Nơi tiếp nhận lưu, Phiếu số 2 Thí sinh lưu).
2. Phần **THÔNG TIN CÁ NHÂN**: Cần ghi chính xác và thống nhất với thông tin trong Phiếu đăng ký dự thi THPT quốc gia và xét tuyển vào đại học, cao đẳng*.
3. Mục "Đề nghị điều chỉnh chế độ ưu tiên": Nếu thí sinh có sửa "Khu vực ưu tiên tuyển sinh" hoặc "Đối tượng ưu tiên tuyển sinh" thì đánh dấu X vào ô tương ứng (trong mục "Khu vực ưu tiên tuyển sinh" điền một trong các mã KV1, KV2-NT, KV2 hoặc KV3 tương ứng với khu vực ưu tiên của thí sinh được hưởng; trong mục "Đối tượng ưu tiên tuyển sinh" điền một trong các ký hiệu từ 01 đến 07 tương ứng với đối tượng ưu tiên của thí sinh được hưởng. Nếu không thuộc đối tượng ưu tiên thì để trống).

4. Bảng "**Nội dung điều chỉnh nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển**":

+ Bước 1: Thí sinh ghi đầy đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng mới từ cột (1) đến cột (5);

+ Bước 2: So sánh bảng mới với bảng cũ (đã đăng ký khi làm thủ tục dự thi) để ghi "nội dung điều chỉnh" vào cột (6) như sau:

- Nếu không thay đổi thứ tự NV ưu tiên và các nội dung đã đăng ký thì thí sinh ghi số 0 tại cột (6) cùng hàng;

- Nếu chỉ thay đổi thứ tự NV ưu tiên và giữ nguyên các nội dung khác đã đăng ký thì thí sinh ghi số thứ tự NV ưu tiên cũ tại cột (6) cùng hàng;

- Những thay đổi khác thì ghi **TĐ** tại cột 6 cùng hàng.

Ví dụ:

Bảng danh sách nguyện vọng cũ đã đăng ký khi làm thủ tục dự thi (bảng cũ)

Thứ tự NV ưu tiên	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/ Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển
1	BVH	52132654	Công nghệ thông tin	T01
2	QHI	52132654	Công nghệ thông tin	T01
3	BKA	52132654	Công nghệ thông tin	T01
4	VHD	52132654	Công nghệ thông tin	T01
.....				

Bảng nội dung điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển (bảng mới)

Thứ tự NV ưu tiên	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/ Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Nội dung thay đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	QHI	52132654	Công nghệ thông tin	T01	2
2	BKA	52654783	Cơ khí	T01	TĐ
3	KHA	52364897	Quản trị kinh doanh	T02	TĐ
4	VHD	52132654	Công nghệ thông tin	T01	0
.....					

Trong ví dụ trên:

- Nguyện vọng 1 của bảng mới trùng với nguyện vọng 2 của bảng cũ: Điền số **2** (số thứ tự NV ưu tiên cũ) vào cột 6, hàng 1;
- Nguyện vọng 2 của bảng mới thay đổi so với bảng cũ: Điền **TĐ** vào cột 6, hàng 2;
- Nguyện vọng 4 của bảng mới không thay đổi so với bảng cũ: Điền số **0** vào cột 6, hàng 4.

Phụ lục 3
PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẮNG
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2017

(Kèm theo công văn số: 603/BGDĐT-GDDH ngày 17/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẮNG
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2017

(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thắng theo quy định tại
các điểm a, b, c, d, đ, e, Khoản 2, Điều 7, Quy chế tuyển sinh)

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

--	--	--	--	--	--	--	--

ngày

tháng

năm

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

4. Số báo danh (trong Kỳ thi THPT Quốc gia)

--	--	--	--	--	--	--	--

5. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**

6. Nơi sinh (tỉnh, thành phố):

7. Năm tốt nghiệp THPT

8. Năm đoạt giải:

9. Môn đoạt giải, loại giải, huy chương

--

Môn đoạt giải

--

Loại giải, loại huy chương

10. Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm 2017 môn:

11. Đăng ký xét tuyển thắng vào trường/ngành học:

Số TT	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			
...			

12. Địa chỉ báo tin:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trườngđã khai
đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2017

Chữ ký của thí sinh

Ngày tháng năm 2017

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2017
(Kèm theo công văn số: 603/BGDĐT-GDDH ngày 17/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4x6

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2017

(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thăng theo quy định tại
điểm i, Khoản 2, Điều 7, Quy chế tuyển sinh)

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)
..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

		ngày		tháng		năm	

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

4. Số báo danh (trong Kỳ thi THPT Quốc gia)

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

5. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**

6. Hộ khẩu thường trú (Ghi rõ xã, huyện, tỉnh)

7. Dân tộc:

8. Nơi học THPT hoặc tương đương:

- Năm lớp 10:
- Năm lớp 11:
- Năm lớp 12:

9. Năm tốt nghiệp THPT:

10. Học lực: Năm lớp 10:; Năm lớp 11:; Năm lớp 12:

11. Đăng ký xét tuyển thăng vào trường/ngành học:

Số TT	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			

12. Địa chỉ báo tin:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trường.....

Ngày tháng năm 2017

Chữ ký của thí sinh

đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2017

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 5

PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2017
(Kèm theo công văn số: 603/BGDĐT-GDĐH ngày 17/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2017**

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)
..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

ngày tháng năm

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

4. Số báo danh (trong Kỳ thi THPT Quốc gia)

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

5. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**

6. Nơi sinh (ghi tỉnh, thành phố).

7. Môn đoạt giải: **Loại giải, huy chương:**

8. Năm đoạt giải:

9. Năm tốt nghiệp THPT:

10. Đăng ký ưu tiên xét tuyển (như hồ sơ đăng ký dự thi):

Thứ tự	Mã trường (chữ in hoa)
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	
....	
.....	

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trườngđã khai
đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2017

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2017

Chữ ký của thí sinh

Phụ lục 6

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

THÍ SINH ĐĂNG KÝ HỌC THEO MÔN ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI

(Kèm theo công văn số: 603/BGDĐT-GDDH ngày 17/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số TT	Tên môn thi học sinh giỏi	Tên ngành đào tạo	Mã ngành
1	Toán	Sư phạm Toán học (*)	52140209
		Toán học (*)	52460101
		Toán ứng dụng (*)	52460112
		Toán cơ (*)	52460115
		Thống kê	52460201
2	Vật lí	Sư phạm Vật lí (*)	52140211
		Vật lí học (*)	52440102
		Thiên văn học	52440101
		Vật lí kỹ thuật (*)	52520401
		Kỹ thuật hạt nhân (*)	52520402
3	Hóa học	Sư phạm Hóa học (*)	52140212
		Hóa học (*)	52440112
		Công nghệ kỹ thuật Hóa học (*)	52510401
		Công nghệ thực phẩm	52540101
		Kỹ thuật Hóa học (*)	52520301
		Dược học	52720401
		Khoa học môi trường	52440301
4	Sinh học	Sư phạm Sinh học (*)	52140213
		Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	52140215
		Sinh học (*)	52420101
		Công nghệ sinh học (*)	52420201
		Kỹ thuật sinh học (*)	52420202
		Sinh học ứng dụng (*)	52420203
		Y đa khoa	52720101
		Y học cổ truyền	52720201
		Răng hàm mặt	52720601
		Y học dự phòng	52720302
		Điều dưỡng	52720501
		Kỹ thuật y học	52720330
		Y tế công cộng	52720301
		Dinh dưỡng	52720303
		Xét nghiệm y học	52720332
		Cử nhân dinh dưỡng	52720303
		Vật lí trị liệu	52720333
		Kỹ thuật phục hình răng	52720602
		Khoa học môi trường	52440301
		Khoa học cây trồng	52620110
		Chăn nuôi	52620105

		Lâm nghiệp	52620201
		Nuôi trồng thủy sản	52620301
5	Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn (*)	52140217
		Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	52220101
		Sáng tác văn học (*)	52220110
		Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	52220112
		Việt Nam học	52220113
		Văn học (*)	52220330
		Văn hóa học	52220340
		Báo chí (*)	52320101
		Ngôn ngữ học (*)	52220320
		Khoa học thư viện	52320202
6	Lịch sử	Sư phạm Lịch sử (*)	52140218
		Lịch sử (*)	52220310
		Bảo tàng học	52320305
		Nhân học	52310302
		Lưu trữ học	52320303
7	Địa lí	Sư phạm Địa lí (*)	52140219
		Địa lí học (*)	52310501
		Bản đồ học	52310502
		Địa chất học	52440201
		Địa lí tự nhiên (*)	52440217
		Thủy văn	52440224
		Quốc tế học	52220212
		Đông phương học	52220213
		Hải dương học	52440228
8	Tin học	Sư phạm Tin học (*)	52140210
		Khoa học máy tính (*)	52480101
		Truyền thông và mạng máy tính (*)	52480102
		Kỹ thuật phần mềm (*)	52480103
		Hệ thống thông tin (*)	52480104
		Công nghệ thông tin (*)	52480201
		Công nghệ kỹ thuật máy tính (*)	52510304
9	Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh (*)	52140231
		Ngôn ngữ Anh (*)	52220201
		Quốc tế học	52220212
		Đông phương học	52220213
		Ngôn ngữ học	52220320
10	Tiếng Nga	Sư phạm Tiếng Nga (*)	52140232
		Ngôn ngữ Nga (*)	52220202
		Quốc tế học	52220212
		Đông phương học	52220213
		Ngôn ngữ học	52220320
11	Tiếng Trung Quốc	Sư phạm tiếng Trung Quốc (*)	52140234
		Trung Quốc học (*)	52220215
		Ngôn ngữ Trung Quốc (*)	52220204
		Hán nôm	52220104
		Quốc tế học	52220212

12	Tiếng Pháp	Đông phương học	52220213
		Ngôn ngữ học	52220320
		Sư phạm Tiếng Pháp (*)	52140233
		Ngôn ngữ Pháp (*)	52220203
		Quốc tế học	52220212
		Đông phương học	52220213
		Ngôn ngữ học	52220320

Ghi chú: - Những ngành có đánh dấu (*) là ngành đúng;
- Các ngành còn lại là ngành gần.

Phụ lục 7

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
HỌC SINH ĐĂNG KÝ HỌC THEO MÔN ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI**

(Kèm theo công văn số: 603/BGDĐT-GDDH ngày 17/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số TT	Tên môn thi học sinh giỏi	Tên ngành đào tạo	Mã ngành
1	Toán	Sư phạm Toán học (*)	51140209
2	Vật lí	Sư phạm Vật lí (*)	51140211
3	Hóa học	Sư phạm Hóa học (*)	51140212
4	Sinh học	Sư phạm Sinh học (*)	51140213
		Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	51140215
5	Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn (*)	51140217
6	Lịch sử	Sư phạm Lịch sử (*)	51140218
7	Địa lí	Sư phạm Địa lí (*)	51140219
8	Tin học	Sư phạm Tin học (*)	51140210
9	Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh (*)	51140231

Ghi chú: - Những ngành có đánh dấu (*) là ngành đúng;
- Các ngành còn lại là ngành gần.

Phụ lục 8

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI QUỐC GIA, QUỐC TẾ ĐĂNG KÝ TUYỂN THẮNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2017
(Kèm theo công văn số: 603/BGDDĐT-GDĐH ngày 17/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2017

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN QUỐC GIA DỰ THI OLYMPIC QUỐC TẾ NĂM 2017 VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THẮNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2017

Số TT	Họ và Tên	Số CMND	Giới tính	Ngày sinh	Năm tốt nghiệp THPT	Đăng ký xét tuyển thẳng		Năm đoạt giải	Môn đoạt giải	Loại giải, huy chương	Tham dự kì thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic Quốc tế môn	Ghi chú
						Ký hiệu trường	Tên ngành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
01	Nguyễn Văn A		X		2017	BKA			Toán học	HC vàng	Toán	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 9

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC TẾ VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2017
(Kèm theo công văn số: 603/BGDDĐT-GDĐH ngày 17/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2017

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC TẾ VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2017

Số TT	Họ và Tên	Số CMND	Giới tính	Ngày sinh	Năm tốt nghiệp THPT	Đăng ký xét tuyển		Năm đoạt giải	Lĩnh vực đoạt giải	Loại giải, huy chương	Tham dự cuộc thi khoa học kỹ thuật Quốc tế lĩnh vực	Ghi chú
						Ký hiệu trường	Tên ngành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
01	Nguyễn Văn X.		X		2017	BKA			Khoa học môi trường	HC vàng	Toán	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 10

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2017
(Kèm theo công văn số: 603/BGDDĐT-GDĐH ngày 17/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2017

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2017 (30a)

Số TT	Họ và Tên	Số CMND	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Năm tốt nghiệp THPT	Đăng ký xét tuyển		Mã tỉnh và mã trường nơi học THPT hoặc tương đương			Học lực			Ghi chú
							Ký hiệu trường	Tên ngành	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
01	Trần Thị T.		X			2017	XDA								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Danh sách này gửi về trường thí sinh đăng ký xét tuyển.
- Danh sách này lập đối với thí sinh có hộ khẩu thường trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ và 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam bộ.

Phụ lục 11
MẤU DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2017
 (Kèm theo công văn số: 603/BGDĐT-GDĐH ngày 17/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2017

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2017

Số TT	Họ và Tên	Số CMND	Giới tính	Ngày sinh	Năm tốt nghiệp THPT	Đăng ký ưu tiên xét tuyển		Năm đoạt giải	Môn đoạt giải	Loại giải, huy chương	Ghi chú
						Ký hiệu trường	Tên ngành				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
01	Nguyễn Văn X.	X			2017	BKA			Toán	HC vàng	

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 (Ký tên, đóng dấu)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2017/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2017

THÔNG TƯ

**Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy;
tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2017.

Thông tư này thay thế Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy; Thông tư số 03/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc đại học, học viện; Hiệu trưởng trường đại học; Hiệu trưởng trường cao đẳng tuyển sinh nhóm ngành đào tạo giáo viên chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD TNTNND của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo TƯ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDĐH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Bùi Văn Ga

QUY CHẾ

**Tuyển sinh đại học hệ chính quy;
tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT
ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy bao gồm: tổ chức tuyển sinh, đề án tuyển sinh, điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, chính sách ưu tiên trong tuyển sinh; tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của trường trong công tác tuyển sinh; tuyển sinh tại các trường sử dụng kết quả của kỳ thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia, tuyển sinh tại các trường không sử dụng kết quả của kỳ thi THPT quốc gia; tuyển sinh tại trường sử dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh; xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy (sau đây gọi là Quy chế tuyển sinh) và chế độ báo cáo, lưu trữ; khen thưởng và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đại học, học viện, trường đại học; các trường cao đẳng tuyển sinh nhóm ngành đào tạo giáo viên (sau đây gọi chung là các trường), các sở giáo dục và đào tạo (GDĐT) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện tuyển sinh đại học (ĐH) hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên (CDSP) hệ chính quy.

3. Quy chế này không áp dụng đối với việc tuyển sinh đi học nước ngoài.

Điều 2. Tổ chức tuyển sinh

1. Các trường có sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để sơ tuyển, xét tuyển thực hiện các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Xác định và công bố công khai tổ hợp các bài thi/môn thi để xét tuyển vào các ngành, nhóm ngành. Trong đó Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ, Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội là các bài thi; các môn thi thành phần của bài thi Khoa học tự nhiên, bài thi Khoa học Xã hội là môn thi;

b) Căn cứ hướng dẫn xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của Bộ GDĐT để quy định cụ thể và công bố công khai điều kiện xét tuyển thẳng và điều kiện ưu tiên xét tuyển vào các ngành học của các đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Quy chế này;

c) Các trường có thủ tục sơ tuyển; các trường tổ chức thi đánh giá năng lực chuyên biệt hoặc có môn thi năng khiếu kết hợp với sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia (sau đây gọi chung là các trường đặc thù): xác định và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác về thời gian, hồ sơ đăng ký sơ tuyển; thủ tục, điều kiện đạt yêu cầu sơ tuyển; phương thức tổ chức thi, đề thi minh họa đối với các trường tổ chức thi đánh giá năng lực chuyên biệt và phương thức xét tuyển.

2. Các trường không sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để xét tuyển thực hiện các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Lựa chọn, quyết định phương thức tuyển sinh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Giáo dục đại học;

Giám đốc các đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường (sau đây gọi chung là Hiệu trưởng) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các khâu: ra đề thi, coi thi, chấm thi (nếu tổ chức thi tuyển); xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển; giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến tuyển sinh;

b) Nếu sử dụng kết quả thi tuyển sinh của các trường khác để xét tuyển phải quy định cụ thể trong đề án tuyển sinh của trường;

c) Có thể tổ chức tuyển sinh riêng từng phần cho một số khoa, ngành;

d) Đảm bảo các yêu cầu: Không để phát sinh hiện tượng các tổ chức và cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, nhà giáo của nhà trường tổ chức luyện thi; đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch trong tuyển sinh; không gây khó khăn, bức xúc đối với thí sinh và xã hội.

3. Các trường sử dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh cho một ngành hoặc nhóm ngành (sau đây gọi chung là ngành) phải xác định và công bố công khai chỉ tiêu cho từng phương thức tuyển sinh; thực hiện các quyền và nhiệm vụ tương ứng với từng phương thức quy định tại các khoản 1, 2 Điều này.

* 4. Các trường có thể tổ chức nhiều đợt tuyển sinh trong năm, báo cáo Bộ GDĐT kết quả tuyển sinh trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 3. Đề án tuyển sinh

1. Đề án tuyển sinh của trường phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Cung cấp đầy đủ các thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng: cơ sở vật chất (phòng học, phòng thực hành/thí nghiệm và các trang thiết bị chính yếu, học liệu), đội ngũ giảng viên, quy mô đào tạo cùng một số thông tin quan trọng

khác trong Phụ lục kèm theo Quy chế này.

Bộ GD&ĐT tổ chức thẩm định độc lập việc kê khai thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng của các trường. Nếu phát hiện trường hợp kê khai thông tin không đúng với điều kiện thực tế thì Bộ GD&ĐT sẽ quyết định dừng tuyển sinh đối với ngành/nhóm ngành liên quan, đồng thời trường và cá nhân sai phạm sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này;

* Từ năm 2018 trở đi, ngoài các thông tin nêu trên, các trường phải công bố thêm: tổng chi phí để đào tạo 1 sinh viên/năm, tỷ lệ sinh viên chính quy có việc làm sau 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp của 2 khóa gần nhất so với năm tuyển sinh (theo nhóm ngành).

Những trường không công khai đầy đủ các thông tin theo quy định này thì không được thông báo tuyển sinh.

b) Quy định chỉ tiêu tuyển sinh theo các hình thức tuyển sinh khác nhau (nếu có); ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Quy chế này;

c) Quy định rõ về việc trường có sử dụng hay không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, điểm thi được bảo lưu theo quy định tại Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT để tuyển sinh;

d) Đối với trường đào tạo trình độ CDSP xét tuyển học sinh tốt nghiệp trung cấp phải quy định rõ cách thức xét tuyển vào ngành học phù hợp;

đ) Đối với các ngành năng khiếu thuộc khối ngành văn hóa - nghệ thuật, điểm xét tuyển của các môn văn hóa phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu để hoàn thành chương trình phổ thông được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ GD&ĐT chấp thuận.

2. Các trường đào tạo sư phạm có thể mở rộng diện xét tuyển thẳng (ngoài quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 của Quy chế này) đối với các học sinh đã tốt nghiệp trường THPT chuyên của các tỉnh, thành phố vào các ngành phù hợp với môn học chuyên hoặc môn đoạt giải nếu đáp ứng điều kiện: ba năm học THPT chuyên của tỉnh đạt học sinh giỏi hoặc đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi do cấp tỉnh trở lên tổ chức và các điều kiện khác do trường quy định trong đề án tuyển sinh của trường.

3. Tất cả các trường đều phải xây dựng và công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường và trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT trước khi thí sinh đăng ký dự thi kỳ thi THPT quốc gia; chịu trách nhiệm giải trình về các nội dung của Đề án; đồng thời, gửi về Bộ GD&ĐT để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra.

Điều 4. Chỉ đạo công tác tuyển sinh

Bộ GD&ĐT ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh chính quy đối với các trường; thống nhất quản lý, chỉ đạo các trường trong công tác tuyển sinh.

Điều 5. Hoạt động thanh tra công tác tuyển sinh

1. Bộ GD&ĐT tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh của các trường và của các cơ quan, tổ chức tham gia công tác tuyển sinh.

2. Các bộ, ngành; uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là UBND cấp tỉnh) tổ chức kiểm tra công tác tuyển sinh đối với các trường trực thuộc theo thẩm quyền.

3. Chánh Thanh tra Bộ GD&ĐT quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra công tác tuyển sinh; trường hợp cần thiết Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra công tác tuyển sinh theo quy định.

4. Chánh Thanh tra Sở GD&ĐT quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra công tác tuyển sinh; trường hợp cần thiết Giám đốc Sở GD&ĐT quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra công tác tuyển sinh đối với cơ sở giáo dục trực thuộc UBND cấp tỉnh.

5. Hiệu trưởng các trường tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh trong cơ sở theo quy định.

6. Trình tự, thủ tục tổ chức thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

7. Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào các trường không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh trong năm đó.

Điều 6. Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh

1. Đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học;

Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT.

2. Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: Hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng

sức khoẻ.

3. Trong độ tuổi quy định đối với những trường, ngành có quy định về tuổi.
4. Đạt các yêu cầu sơ tuyển, nếu đăng ký xét tuyển (ĐKXT) hoặc dự thi vào các trường có quy định sơ tuyển.
5. Có hộ khẩu thường trú thuộc vùng tuyển quy định, nếu ĐKXT hoặc dự thi vào các trường có quy định vùng tuyển.
6. Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ chỉ được dự tuyển vào những trường do Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an quy định sau khi đã được cấp có thẩm quyền cho phép đi học; quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng.
 - a) Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:
 - Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại Khu vực 1 quy định tại điểm c khoản 4 Điều 7 của Quy chế này;
 - Đối tượng 02: Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen;
 - Đối tượng 03:
 - + Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”;
 - + Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;
 - + Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;
 - + Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;
 - + Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm i, k, l, m khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ưu đãi người có công với cách mạng;

- Đối tượng 04:

- + Con liệt sĩ;
- + Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- + Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- + Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;
- + Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh" mà người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh" bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;
- + Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động;
- + Người bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hằng tháng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến;
- + Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 về việc ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 05:

- + Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;
- + Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;
- + Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nòng cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nòng cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay ĐKXT;

- Đối tượng 06:

- + Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;
- + Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;
- + Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

+ Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế có giấy chứng nhận được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

+ Con của người có công giúp đỡ cách mạng;

- Đối tượng 07:

+ Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

+ Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc Huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;

+ Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành sư phạm;

+ Y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên, y sĩ, dược sĩ trung cấp đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành y, dược.

c) Những đối tượng ưu tiên khác đã được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành sẽ do Bộ trưởng Bộ GDĐT xem xét, quyết định.

d) Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

2. Các đối tượng được xét tuyển thẳng vào các trường:

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học;

b) Người đã trúng tuyển vào các trường, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại trường trước đây đã trúng tuyển. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở

lên và các đối tượng được xét tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức;

c) Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT thì được xét tuyển thẳng vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi của thí sinh. Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế nếu chưa tốt nghiệp THPT sẽ được bảo lưu kết quả đến hết năm tốt nghiệp THPT;

d) Thí sinh đã tốt nghiệp THPT là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được xét tuyển thẳng vào các trường ĐH, CĐSP thể dục, thể thao (TDTT) hoặc các ngành TDTT của các trường theo quy định của từng trường.

đ) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc được xét tuyển thẳng vào học các ngành tương ứng trình độ ĐH, CĐSP của các trường năng khiếu, nghệ thuật theo quy định của từng trường;

* Những thí sinh đoạt giải các ngành TDTT, năng khiếu nghệ thuật, thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hoặc xét tuyển vào trường.

e) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải khuyến khích trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT, được xét tuyển thẳng vào CĐSP theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải;

Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, nếu chưa tốt nghiệp THPT được bảo lưu đến hết năm tốt nghiệp THPT;

g) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng các

trường căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

h) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại các trường ĐH, CĐSP Việt Nam: Hiệu trưởng các trường căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt theo quy định của trường để xem xét, quyết định cho vào học;

i) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; thí sinh là người dân tộc rất ít người theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng các trường quy định.

k) Người có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên; người có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá có ít nhất 02 năm làm việc theo chuyên ngành hoặc nghề đã được đào tạo, đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này được xét tuyển thẳng vào cùng ngành sư phạm trình độ cao đẳng.

3. Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào các trường ĐH, CĐSP.

a) Đối với thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp trung học, nếu có kết quả thi THPT quốc gia đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào quy định của Quy chế này, Hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho vào học;

b) Thí sinh đoạt huy chương vàng các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Ủy ban TDTT có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia đã tham dự kỳ thi THPT quốc gia, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được ưu tiên xét tuyển vào ĐH TDTT hoặc các ngành TDTT tương ứng theo quy định của từng trường.

Thí sinh đoạt huy chương bạc, huy chương đồng các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức 1 lần trong năm và thí sinh được Ủy ban TDTT có quyết

định công nhận là vận động viên cấp 1 quốc gia đã tham dự kỳ thi THPT quốc gia, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được ưu tiên xét tuyển vào CĐSP TDTT hoặc các ngành TDTT tương ứng của các trường;

c) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học hoặc tốt nghiệp trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc đã tham dự kỳ thi THPT quốc gia, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được trường ĐH, CĐSP ưu tiên xét tuyển theo quy định của từng trường;

Những thí sinh đoạt giải các ngành TDTT, năng khiếu nghệ thuật thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hoặc xét tuyển vào trường.

4. Chính sách ưu tiên theo khu vực

a) Thí sinh học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học THPT (hoặc trong thời gian học trung cấp) có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường thuộc các khu vực có mức ưu tiên khác nhau hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Quy định này áp dụng cho tất cả thí sinh, kể cả thí sinh đã tốt nghiệp từ trước năm tuyển sinh.

b) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;
- Học sinh các trường, lớp dự bị ĐH;
- Học sinh các lớp tạo nguồn được mở theo quyết định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc UBND cấp tỉnh;
- Học sinh có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã có ít nhất một trong các xã thuộc diện nói trên;
- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự thi, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ.

c) Các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

Khu vực 1 (KV1) gồm:

Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học THPT hoặc trung cấp của thí sinh; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm:

Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;

- Khu vực 2 (KV2) gồm:

Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1);

- Khu vực 3 (KV3) gồm:

Các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

5. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,5 (nửa điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC TRƯỜNG TRONG CÔNG TÁC TUYỂN SINH

Điều 8. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh trường

1. Hiệu trưởng các trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của HĐTS trường gồm có:

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;

b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;

c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Đào tạo (hoặc Phòng Khảo thí);

d) Các ủy viên: Một số Trưởng phòng, Trưởng khoa, Trưởng bộ môn và cán bộ công nghệ thông tin.

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào trường không được tham gia HĐTS của trường và các ban giúp việc HĐTS trường trong năm đó.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS trường.

- a) Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn;
- b) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;
- c) Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;
- d) Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định;
- đ) Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ GDĐT và cơ quan trực tiếp quản lý trường (Bộ, Ngành, UBND cấp tỉnh).

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS trường.

- a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;
- b) Báo cáo với Bộ GDĐT và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;
- c) Thành lập các ban giúp việc cho HĐTS trường để triển khai công tác tuyển sinh.

5. Phó Chủ tịch HĐTS trường thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS uỷ quyền.

Điều 9. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS trường

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS trường gồm có:

- a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS trường kiêm nhiệm;
- b) Các uỷ viên: một số cán bộ Phòng Đào tạo hoặc Phòng Khảo thí, các khoa, phòng và cán bộ công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS của trường sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để sơ tuyển, xét tuyển:

- a) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT tất cả các thông tin của trường theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này để thực hiện xét tuyển;
- b) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;
- c) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển;
- d) Triệu tập thí sinh trúng tuyển;

đ) Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định tại Điều 14, 15 của Quy chế này;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS trường đối với trường không sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để sơ tuyển, xét tuyển:

a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian và địa điểm đăng ký dự thi, xét tuyển trên trang thông tin điện tử của trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban thư ký theo quy định của Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT nếu thực hiện thi tuyển.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Điều 10. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các ban chuyên môn đối với trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển

1. Các ban chuyên môn đối với trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển gồm: Ban Thư ký, Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban Chấm thi, Ban Phúc khảo.

2. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn của các trường tổ chức thi tuyển thực hiện theo quy định của Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT. Hiệu trưởng các trường tổ chức thi các môn năng khiếu, thi đánh giá năng lực chuyên biệt, có thể ban hành Quy chế tuyển sinh của trường sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường, công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường và gửi về Bộ GDĐT để báo cáo.

Chương III

TUYỂN SINH TẠI CÁC TRƯỜNG SỬ DỤNG KẾT QUẢ CỦA KỲ THI THPT QUỐC GIA

Điều 11. Nguyên tắc lựa chọn tổ hợp các bài thi/môn thi để xét tuyển

1. Những trường sử dụng tổ hợp các bài thi/môn thi mới ngoài các khối thi truyền thống (khối thi mà trường đã sử dụng từ năm 2014 trở về trước) để xét tuyển cho một ngành cần dành ít nhất 25% chỉ tiêu của ngành đó để xét tuyển theo các khối thi truyền thống. Quy định này chỉ thực hiện trong năm 2017.

2. Việc thêm các tổ hợp bài thi/môn thi mới để xét tuyển được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Sử dụng kết quả của 3 bài thi/môn thi, trong đó có ít nhất một trong hai bài thi Toán, Ngữ văn để xét tuyển. Các bài thi/môn thi đưa vào tổ hợp để xét tuyển phải gắn với yêu cầu của ngành đào tạo; không sử dụng nhiều hơn 4 tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển cho một ngành;

b) Đối với các trường, ngành năng khiếu, sử dụng kết quả của 3 bài thi/môn thi, trong đó, có ít nhất một bài thi Toán hoặc Ngữ văn kết hợp với kết quả thi năng khiếu để xét tuyển.

3. Tùy theo yêu cầu của ngành đào tạo, các trường có thể quy định bài thi/môn thi chính được nhân hệ số khi xét tuyển.

Điều 12. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

1. Năm 2017, Bộ GDĐT quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào như sau:

a) Căn cứ kết quả của kỳ thi THPT quốc gia, Bộ GDĐT xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ĐH để các trường xây dựng phương án xét tuyển.

b) Các trường ĐH đóng trên địa bàn các tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ được xét tuyển những thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm liên tục và tốt nghiệp trung học tại các tỉnh thuộc khu vực này với kết quả thi (tổng điểm 3 bài thi/môn thi của tổ hợp dùng để xét tuyển) thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào 1,0 điểm (theo thang điểm 10) và phải học bổ sung kiến thức một học kỳ trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng các trường quy định.

2. Từ năm 2018 trở đi, khi các trường đã công khai đầy đủ và chuẩn xác các thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Quy chế này thì mỗi trường tự xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào cho trường mình.

Điều 13. Tổ chức xét tuyển

1. Nguyên tắc xét tuyển:

a) Thí sinh có đủ các điều kiện quy định tại Điều 6 của Quy chế này và đáp ứng yêu cầu của trường có quyền ĐKXT;

* b) Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng, số trường và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong xét tuyển đợt 1, đối với từng trường, ngành, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ quy định tại điểm c khoản này. Đối với mỗi thí sinh, nếu ĐKXT vào nhiều trường/ngành thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký. Thí sinh ĐKXT vào các

trường thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, ngoài các quy định này còn phải thực hiện các quy định, hướng dẫn của Bộ liên quan;

c) Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và được làm tròn đến 0,25; cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Điều 7 của Quy chế này. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển theo các điều kiện phụ do mỗi trường đã thông báo, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn;

d) Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường được xét tuyển thí sinh khác trong đợt xét tuyển bổ sung;

* đ) Các trường có thể thực hiện nhiều đợt tuyển sinh trong năm.

2. Hỗ trợ của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Bộ GD&ĐT xây dựng Cổng thông tin tuyển sinh để hỗ trợ thí sinh và các trường trong công tác tuyển sinh, bao gồm các thông tin về: chỉ đạo điều hành công tác tuyển sinh; cơ sở dữ liệu về kết quả kỳ thi THPT quốc gia; đề án tuyển sinh/điều kiện tuyển sinh của các trường; hệ thống nhập dữ liệu thống kê nguyện vọng của thí sinh và các thông tin khác cần thiết cho công tác tuyển sinh.

3. Nhiệm vụ của các trường:

a) Trước khi thí sinh làm thủ tục ĐKXT, các trường công bố các thông tin cần thiết lên trang thông tin điện tử của trường để thí sinh ĐKXT: mã số trường, mã số ngành, chỉ tiêu tuyển sinh của ngành, tổ hợp xét tuyển, quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp, các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển và các quy định khác không trái với quy định của Quy chế này; nhập đầy đủ các thông tin về tuyển sinh của trường lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT trong thời hạn quy định. Riêng điểm nhận ĐKXT có thể quy định sau khi có kết quả thi THPT quốc gia và phù hợp với ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Quy chế này;

b) Các trường có thể tự nguyện phối hợp với nhau thành nhóm trường để thực hiện xét tuyển;

c) Thực hiện quy trình xét tuyển đợt 1 quy định tại khoản 5 Điều này và xét tuyển bổ sung quy định tại khoản 6 Điều này; quyết định điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành của trường và công bố kết quả trúng tuyển trong thời hạn quy định;

d) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT danh sách thí sinh đã xác nhận nhập học; báo cáo Bộ GD&ĐT kết quả nhập học của thí sinh sau mỗi kỳ tuyển sinh theo quy định.

đ) Chỉ tiêu tuyển sinh của các cơ sở giáo dục ĐH xác định theo Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ GDĐT quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với cơ sở giáo dục ĐH; chỉ tiêu tuyển sinh CĐSP xác định theo quy định tại Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ GDĐT quy định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Đối với các trường được thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động giai đoạn 2014-2017 theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ, chỉ tiêu tuyển sinh căn cứ vào nội dung quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của trường.

* 4. Nhiệm vụ của thí sinh:

✦ a) Để xét tuyển đợt 1, thí sinh nộp phiếu ĐKXT cùng với hồ sơ đăng ký dự thi THPT quốc gia theo quy định của sở GDĐT kèm theo lệ phí ĐKXT. Trong các đợt xét tuyển bổ sung, thí sinh thực hiện ĐKXT và nộp lệ phí theo quy định của trường;

✦ b) Sau khi có kết quả thi THPT quốc gia, thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT một lần trong thời gian quy định, bằng phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại nơi đăng ký dự thi;

✦ c) Xác nhận nhập học vào trường đã trúng tuyển theo quy định tại điểm d khoản 5 hoặc điểm e khoản 6 Điều này;

d) Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin ĐKXT và đăng ký dự thi. Các trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin ĐKXT và dữ liệu đăng ký dự thi với hồ sơ gốc.

5. Xét tuyển đợt 1

a) Sau khi kết thúc thời gian ĐKXT, các trường tham khảo thông tin trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT để chuẩn bị phương án tuyển sinh phù hợp;

b) Sau khi hết thời hạn thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT, các trường/nhóm trường khai thác thông tin (của trường/nhóm trường mình và của các trường/nhóm trường khác có liên quan) trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT để dự kiến điểm trúng tuyển, dự kiến danh sách thí sinh trúng tuyển vào trường/nhóm trường theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Các trường/nhóm trường (bao gồm cả các trường đặc thù quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 của Quy chế này) nhập lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT danh sách thí sinh trúng tuyển dự kiến trong thời gian quy định để hệ thống tự động loại bỏ những nguyện vọng thấp của thí sinh được dự kiến trúng tuyển nhiều nguyện vọng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

d) Các trường/nhóm trường điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định; quyết định điểm trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển chính thức; công bố kết quả trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của trường và trên phương tiện thông tin đại chúng khác;

* đ) Thí sinh xác nhận nhập học vào trường đã trúng tuyển trong thời hạn quy định bằng cách gửi bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi đến trường bằng thư chuyển phát nhanh;

e) Các trường tổng hợp kết quả thí sinh xác nhận nhập học, cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và quyết định dùng xét tuyển hay tiếp tục xét tuyển bổ sung.

6. Xét tuyển bổ sung

a) Xét tuyển bổ sung có thể được thực hiện một lần hay nhiều lần;

b) Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh của trường và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học tại trường sau xét tuyển đợt 1 (kể cả số thí sinh được xét tuyển thẳng và số học sinh dự bị của trường; học sinh các trường dự bị ĐH được giao về trường), Hội đồng tuyển sinh trường xem xét, quyết định các nội dung xét tuyển bổ sung;

* c) Các trường thông báo điều kiện xét tuyển bổ sung, điểm nhận hồ sơ xét tuyển bổ sung không được thấp hơn điểm trúng tuyển đợt 1; công bố lịch xét tuyển;

* d) Thí sinh chưa trúng tuyển hay đã trúng tuyển mà chưa xác nhận nhập học vào bất cứ trường nào có thể thực hiện ĐKXT bổ sung trực tuyến hoặc theo phương thức khác do trường quy định;

đ) Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, trường công bố trên trang thông tin điện tử của trường và trên phương tiện thông tin đại chúng về điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển;

* e) Thí sinh xác nhận nhập học trong thời hạn quy định, bằng phương thức trực tuyến hoặc theo quy định của từng trường;

g) Trường cập nhật danh sách thí sinh xác nhận nhập học lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Điều 14. Triệu tập thí sinh trúng tuyển đến trường

1. Hội đồng tuyển sinh trường gửi giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học.

2. Trường tổ chức kiểm tra sức khỏe cho thí sinh mới nhập học theo hướng dẫn của liên Bộ Y tế và Bộ GDĐT.

3. Thí sinh trúng tuyển vào trường cần nộp bản sao hợp lệ những giấy tờ sau đây:

a) Học bạ;

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học tạm thời đối với những người trúng tuyển ngay trong năm tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp trung học đối với những người đã tốt nghiệp các năm trước. Những người mới nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, đầu năm học sau phải xuất trình bản chính bằng tốt nghiệp trung học để đối chiếu kiểm tra;

c) Giấy khai sinh;

d) Các minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên quy định trong văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT;

đ) Giấy triệu tập trúng tuyển.

4. Đối với thí sinh đến trường nhập học chậm sau 15 ngày trở lên kể từ ngày nhập học ghi trong giấy triệu tập trúng tuyển:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như bỏ học;

b) Nếu đến chậm do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, các trường xem xét quyết định tiếp nhận vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học năm sau.

5. Chỉ có Chủ tịch UBND cấp tỉnh mới có quyền ký quyết định giữ lại người đã trúng tuyển, nhưng phải giải thích rõ lý do và căn cứ pháp luật của quyết định đó. Những thí sinh bị địa phương giữ lại không cho đi học có quyền khiếu nại lên các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 15. Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển

1. Khi thí sinh đến nhập học, trường phải tổ chức kiểm tra hồ sơ đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Quy chế này.

2. Trong quá trình sinh viên đang theo học tại trường, trường tổ chức thanh tra, kiểm tra hồ sơ và kết quả thi của thí sinh theo quy định.

Điều 16. Sử dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh

1. Các sở GDĐT chuẩn bị đủ cơ sở vật chất, thiết bị và cử cán bộ đủ trình độ nhập dữ liệu ĐKXT ban đầu của thí sinh lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT; đảm bảo quy trình, thời hạn thực hiện công việc theo kế hoạch chung về tuyển sinh.

2. Các trường chuẩn bị đủ cơ sở vật chất, thiết bị và cử cán bộ đủ trình độ làm chuyên trách công nghệ thông tin để thực hiện các công việc sau:

a) Lập địa chỉ e-mail chính thức sử dụng trong công tác tuyển sinh;

b) Khai thác, xử lý thông tin; cập nhật dữ liệu... theo đúng cấu trúc, quy

trình, thời hạn lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT;

c) Gửi Giấy báo trúng tuyển cho thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ kết quả thi của thí sinh;

d) Thực hiện các quy định tại Điều 13 của Quy chế này và các quy định khác về tuyển sinh.

3. Người nhập dữ liệu lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin đã nhập với thông tin liên quan trong hồ sơ thí sinh và thông tin trên cơ sở dữ liệu thi THPT quốc gia; ký biên bản xác nhận và chịu trách nhiệm về công tác kiểm tra.

Chương IV **TUYỂN SINH TẠI CÁC TRƯỜNG** **KHÔNG SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT QUỐC GIA**

Điều 17. Yêu cầu về đảm bảo chất lượng đầu vào đối với trường không sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia

1. Đối với trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển theo bài thi/môn thi hoặc xét tuyển dựa trên tổ hợp các môn học ở THPT, việc lựa chọn tổ hợp bài thi/môn thi hoặc tổ hợp môn học dùng để xét tuyển được thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

2. Đối với trường sử dụng phương án thi tuyển, chính sách đảm bảo chất lượng đầu vào phải được ghi trong đề án tuyển sinh theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào năm 2017 được thực hiện như sau:

a) Đối với trường sử dụng phương án xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT, điểm trung bình của từng môn học trong tổ hợp các môn dùng để xét tuyển hoặc điểm trung bình chung của các môn học dùng để xét tuyển không nhỏ hơn 6,0 đối với trình độ ĐH (theo thang điểm 10).

b) Trường ĐH đóng tại các tỉnh biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có thể xét tuyển các thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm liên tục và tốt nghiệp THPT tại các tỉnh, địa phương này ở mức thấp hơn 0,5 điểm so với mức quy định tại điểm a khoản này. Những học sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 học kỳ trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng các trường quy định.

4. Từ năm 2018 trở đi ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Quy chế này.

5. Đối với trường xét tuyển học sinh tốt nghiệp trung cấp vào các ngành học trình độ CĐSP, phải quy định rõ trong đề án tuyển sinh cách thức xét tuyển vào ngành học phù hợp.

6. Đối với các ngành năng khiếu thuộc khối ngành văn hóa - nghệ thuật, điểm xét tuyển của các môn văn hóa phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu để hoàn thành chương trình phổ thông được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ GDĐT chấp thuận.

Điều 18. Tổ chức thi đối với các trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển

1. Yêu cầu về đề thi

a) Đối với các môn văn hóa: thực hiện theo quy định tại Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT;

b) Đối với các môn thi năng khiếu và các môn thi đánh giá năng lực chuyên biệt: thực hiện theo quy định tại Quy chế tuyển sinh của trường do Hiệu trưởng ban hành sau khi có ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường, báo cáo Bộ GDĐT và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường;

2. Tổ chức coi thi, chấm thi, chấm phúc khảo

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của trường. Nội dung Quy chế tuyển sinh của trường không được trái với các quy định trong Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT.

Điều 19. Tổ chức xét tuyển của các trường không sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia

1. Việc xét tuyển được thực hiện theo đề án tuyển sinh của trường. Các trường có thể lựa chọn các phương thức tuyển sinh:

a) Sơ tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT kết hợp với thi đánh giá năng lực chuyên biệt của thí sinh hoặc sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt của trường khác để xét tuyển;

b) Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT;

c) Sử dụng đồng thời các phương thức tuyển sinh trên và phải công bố công khai chỉ tiêu đối với từng phương thức.

2. Chế độ ưu tiên được thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này. Trường hợp sử dụng kết quả học tập ở THPT để xét tuyển, điểm ưu tiên được cộng để xét tuyển sau khi thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 17 của Quy chế này.

3. Thời gian đăng ký thi tuyển, xét tuyển do Hiệu trưởng các trường quy định phù hợp với phương thức tổ chức đào tạo tại trường và khung kế hoạch thời gian năm học của giáo dục phổ thông.

4. Việc kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển được thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15 của Quy chế này.

Chương V

XỬ LÝ THÔNG TIN PHẢN ÁNH VI PHẠM QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, LƯU TRỮ

Điều 20. Xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh

1. Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

- a) Hội đồng tuyển sinh các trường ĐH, CĐSP;
- b) Thanh tra tuyển sinh và Thanh tra giáo dục các cấp.

2. Các bằng chứng vi phạm Quy chế tuyển sinh sau khi đã được xác minh về tính xác thực là cơ sở để xử lý đối tượng vi phạm.

3. Cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a) Mọi người dân, kể cả thí sinh và những người tham gia công tác tuyển sinh, nếu phát hiện những hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh cần cung cấp thông tin cho nơi tiếp nhận quy định tại khoản 1 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật về tố cáo;

b) Người cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin và bằng chứng đã cung cấp, không được lợi dụng việc làm đó để gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tuyển sinh.

4. Đối với tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a) Tổ chức việc tiếp nhận thông tin, bằng chứng theo quy định; bảo vệ nguyên trạng bằng chứng; xác minh tính xác thực của thông tin và bằng chứng;

b) Triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực, vi phạm Quy chế tuyển sinh theo thông tin đã được cung cấp;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý và công bố công khai kết quả xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh;

d) Bảo mật thông tin và danh tính người cung cấp thông tin.

Điều 21. Chế độ báo cáo

Các trường phải báo cáo Bộ GDĐT:

1. Kết quả tuyển sinh của năm trước ngày 31 tháng 12 của năm.
2. Thông tin về tuyển sinh của trường theo quy định hoặc theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

Điều 22. Chế độ lưu trữ

1. Bài thi của các trường tổ chức tuyển sinh theo phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển được trường lưu trữ theo thời hạn quy định tại Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT.
2. Các tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, trường phải bảo quản và lưu trữ trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ, Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ GDĐT quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Chương VI

**KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM,
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỐ CÁO**

Điều 23. Khen thưởng

Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh các trường khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng:

1. Những người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
2. Những người có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh.

Điều 24. Giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh

1. Trong thời gian tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh các trường tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh.
2. Kết thúc tuyển sinh, Hiệu trưởng tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh.
3. Người khiếu nại thực hiện quyền khiếu nại khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

4. Trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh được thực hiện theo quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 25. Xử lý các trường, cán bộ tuyển sinh và thí sinh vi phạm quy chế

1. Xử lý cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình thi tuyển được thực hiện theo quy định tại Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT.

2. Các trường tuyển sinh vượt chỉ tiêu so với năng lực thực tế thì số thí sinh tuyển vượt chỉ tiêu sẽ bị khấu trừ vào chỉ tiêu tuyển sinh năm sau của trường và nhà trường sẽ bị xử phạt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

3. Cảnh cáo hoặc có hình thức kỷ luật cao hơn đối với Hiệu trưởng hoặc Chủ tịch HĐTS và những người khác liên quan vi phạm một trong các lỗi sau đây:

a) Ban hành các quyết định liên quan đến công tác tuyển sinh trái với các quy định của Quy chế này;

b) Tuyển sinh những ngành chưa có quyết định mở ngành; tuyển sinh không đúng với nguyện vọng đã đăng ký của thí sinh;

c) Xác định sai chỉ tiêu tuyển sinh so với quy định và tuyển sinh vượt chỉ tiêu;

d) Tổ chức tuyển sinh không đúng với các quy định trong đề án tuyển sinh đã công bố.

đ) Cố ý vi phạm các quy định khác của Quy chế này.

4. Người tham gia công tác tuyển sinh là công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy chế, nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ, sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định của Luật viên chức, Luật cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức. Đối với những người vi phạm Quy chế tuyển sinh là cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên cơ hữu của các trường ngoài công lập không phải là công chức, viên chức, Hiệu trưởng nhà trường quyết định xử lý theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản pháp luật hiện hành./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Bùi Văn Ga

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT
ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(Cơ quan chủ quản).....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trường:.....

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM ...¹

1. Thông tin chung về trường (tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	ĐH		CĐSP	
	GD chính quy (ghi rõ số NCS, số học viên cao học, số SV đại học, cao đẳng)	GDTX (ghi rõ số SV ĐH, CĐ)	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành I	VD: 100 NCS; 300 CH; 4000 ĐH; 50 CĐ			
Nhóm ngành II				
Nhóm ngành III				
Nhóm ngành IV				
Nhóm ngành V				
Nhóm ngành VI				
Nhóm ngành VII				
Tổng (ghi rõ cả số NCS, học viên cao học, SV ĐH, CĐ)				

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển

¹ Năm 2017 các cơ sở giáo dục chỉ kê khai từ mục 1 đến hết mục 3; từ năm 2018 kê khai toàn bộ các thông tin trong Phụ lục này

Nhóm ngành I - Ngành 1 <i>Tổ hợp 1:</i> <i>Tổ hợp 2:</i> <i>Tổ hợp 3:</i> - Ngành 2 - Ngành 3 - Ngành 4						
Nhóm ngành II						
Nhóm ngành III						
Nhóm ngành IV						
Nhóm ngành V						
Nhóm ngành VI						
Nhóm ngành VII						
GV các môn chung						
Tổng						

2. Các thông tin của năm tuyển sinh

2.1. Đối tượng tuyển sinh

2.2. Phạm vi tuyển sinh

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành/nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối từng ngành đào tạo...

2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định)....

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

3.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường;
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường;
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có).

3.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
	Phòng thực hành ...	
	Phòng thí nghiệm...	
		

3.1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	
	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	
	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	
	Số phòng học dưới 50 chỗ	
	Số phòng học đa phương tiện	

3.1.4. Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
	Nhóm ngành I	
	Nhóm ngành II	
	Nhóm ngành III	
	Nhóm ngành IV	
	Nhóm ngành V	
	Nhóm ngành VI	
	Nhóm ngành VII	

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Nhóm ngành I						
Nguyễn Văn A						
.....						
Tổng của nhóm ngành						
Nhóm ngành II						
.....						
Tổng của nhóm ngành						
Nhóm ngành III						
.....						
Tổng của nhóm ngành						
Nhóm ngành IV						
.....						

Tổng của nhóm ngành						
Nhóm ngành V						
.....						
Tổng của nhóm ngành						
Nhóm ngành VI						
.....						
Tổng của nhóm ngành						
Nhóm ngành VII						
.....						
Tổng của nhóm ngành						
GV các môn chung						
.....						
Tổng giảng viên toàn trường						

4. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
	ĐH	CDSP	ĐH	CDSP	ĐH	CDSP	ĐH	CDSP
Nhóm ngành I								
Nhóm ngành II								
Nhóm ngành III								
Nhóm ngành IV								
Nhóm ngành V								
Nhóm ngành VI								
Nhóm ngành VII								
Tổng								

5. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường;
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh.

Ngày ...tháng... năm 20...

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)